

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **79/2024/DS - ST**

Ngày: 09/4/2024

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Thanh Tuấn** và ông **Võ Minh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Văn Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXX- ST, ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Dương Minh H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Ông X vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Dương Minh H trình bày:* Vào năm 2021 ông Nguyễn Thanh X có đến gặp vợ chồng ông để hỏi vay số tiền là 19.000.000đ vào ngày 10/7/2021, hai bên thoả thuận mỗi tháng ông X thanh toán tiền gốc là 1.000.000đ cho đến khi dứt số tiền vay. Tuy nhiên từ khi vay đến nay ông X chỉ thanh toán cho vợ chồng ông được 04 lần với số tiền là 4.000.000đ còn lại 15.000.000đ đến nay chưa thanh toán.

Ông X xác nhận đối với số tiền vay này là nợ cá nhân của ông X còn vợ ông X không liên quan vì thời điểm vay tiền vợ chồng ông X không còn sống chung với nhau và không có giao dịch vay tiền nên đối với số tiền này ông chỉ yêu cầu một mình ông X thanh toán, cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, ông Dương Minh H yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh X thanh toán cho vợ chồng ông số tiền vay gốc còn lại là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), thanh toán 01 lần và không yêu cầu tính lãi.

* *Tại bản tự khai ngày 16/02/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/3/2024 bị đơn ông Nguyễn Thanh X trình bày:* Ông thừa nhận vào ngày 10/7/2021 có vay số tiền 19.000.000đ của ông Dương Thanh H1 và hai bên có làm hợp đồng vay, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 0,5%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 01 lần.

Từ khi vay tiền đến nay ông đã trả được số tiền 4.000.000đ và tiền lãi còn lại nợ gốc là 15.000.000đ do làm ăn khó khăn nên chưa thanh toán cho ông H1.

Nay ông thừa nhận hiện nay ông còn nợ ông H1 số tiền gốc còn lại là 15.000.000đ nhưng hiện nay hoàn cảnh đang khó khăn nên xin trả dần tùy theo khả năng cho đến khi dứt nợ.

* *Tại bản tự khai ngày 31/01/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/3/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của ông H1 và bà xác nhận số tiền cho ông X vay là tiền chung của vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu ông X có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà số tiền vay gốc còn nợ lại là 15.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Dương Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Thanh X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ông Dương Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh X trả cho vợ chồng ông số tiền vay do đó đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn ông X có nơi cư trú tại ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Nguyễn Thanh X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông X, bà T là phù hợp.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông Dương Minh H với Nguyễn Thanh X là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Ông Dương Minh H yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh X trả cho vợ chồng ông số tiền nợ vay gốc còn lại là 15.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, ông H có cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay tiền do ông X viết và ký tên với nội dung thể hiện ông X vay tiền của vợ chồng ông H số tiền 19.000.000đ và số tiền gốc còn nợ vợ chồng ông H còn lại là 15.000.000 đồng và vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án cũng được ông X thừa nhận nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và ông X có văn bản ý kiến thừa nhận nợ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của ông H và không tham gia phiên tòa. Việc bị đơn xin trả dần số tiền vay cho nguyên là nhằm trốn tránh, kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Dương Minh H khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh X có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền nợ vay gốc còn lại là 15.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trường hợp ông Xuân c thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015

[4] Đối với việc nguyên đơn không yêu cầu đưa là vợ của ông X tham gia tố tụng và không yêu cầu vợ ông X phải có trách nhiệm liên đới cùng ông X thanh toán, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T là vợ ông X. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T xác nhận số tiền cho ông X vay là tài sản chung của vợ chồng bà và trên hợp đồng vay cũng thể hiện bà và ông H cùng cho

ông X vay nên buộc ông X có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại là 15.000.000đ cho bà T và ông H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông X phải chịu án phí với số tiền là $15.000.000đ \times 5\% = 750.000đ$ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh H.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh X có trách nhiệm thanh toán cho ông Dương Minh H và bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc còn lại là 15.000.000 đồng. Ông H, bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh X phải chịu án phí với số tiền là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn ông Dương Minh H không phải chịu án phí, ông H được nhận lại số tiền 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005653 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa**

Lữ Cẩm Nhung

